TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Văn Hùng
Bà Hoàng Thị Thúy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Bích – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan tham gia phiên toà: Ông Vi Doanh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Liễu Thị T, sinh năm 1989
Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Vi Văn T, sinh năm 1991
Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Các thành phần tham gia tố tụng khác : Không có

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Liễu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Liễu Thị T kết hôn anh Vi Văn T từ ngày 15/01/2011, trước khi kết hôn được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ngày 18/10/2011. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng không hạnh phúc với lý do anh T thường xuyên đánh đập, đến tháng 10/2016 (âm lịch) chị đi làm thuê thời vụ tại các công ty ở tỉnh Bắc Giang và nay làm việc tại công ty Bu Zông ở tỉnh Bắc Ninh, thời gian đầu đi làm được nghỉ thỉnh

thoảng vẫn đi về nhà anh T, từ tháng 10/2016 (âm lịch) đến nay không về nhà chồng lần nào nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Vi Văn T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung; vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Liễu Thị T kết hôn từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai người được tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì hai vợ chồng mới hay cãi nhau và có được đẩy nhau, chứ không được đánh đập như chị T trình bày. Đến tháng 10/2016 chị T bỏ nhà đi đâu anh không biết, anh có đi tìm nhưng không biết ở đâu, không liên lạc được điện thoại, sau khi chị T bỏ đi và có quay về nhà một, hai lần và hai vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường, không được đánh đập, mỗi lần về 1 đến 2 ngày. Từ cuối tháng 11 năm 2016 đến nay chị T không về lần nào nữa và hai vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau nữa. Nay xác định hai vợ chồng vẫn còn có tình cảm, chị T xin ly hôn anh không nhất trí, yêu cầu được đoàn tụ.

Con chung; tài sản chung; vay nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về việc ly hôn.

Chị Liễu Thị T và anh Vi Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không thống nhất được với nhau, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên hòa giải chị T yêu cầu được ly hôn, anh T không nhất trí, yêu cầu được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về Tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ, đã tống đạt đầy đủ các quyết định, văn bản tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật, đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa các thành phần tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 12/7/2018 nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, nhưng cả hai vắng mặt không có lý do, đã làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Vi Văn T vẫn cố tình vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Cần chấp nhận việc xin ly hôn của chị Liễu Thị T; về con chung; tài sản chung; vay, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về khắc phục vi phạm tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định. Yêu cầu của chị Liễu Thị T đưa ra tại phiên tòa là có căn cứ, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2] Về hôn nhân: Chị Liễu Thị T và anh Vi Văn T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình sống chung giữa hai người tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm, nguyên nhân anh T cho rằng chị T đi ngoại tình với người khác, tháng 10 năm 2016 chị T đã bỏ nhà đi làm thuê tại các công ty ở tỉnh Bắc Giang, nay đang làm công nhân tại công ty Bu Zông tỉnh Bắc Ninh, chị T đã sống ly thân với anh T từ tháng 10 năm 2016 đến nay, giữa hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Chị T xác định không còn tình cảm, nên chị xin ly hôn với anh T. Anh T cho rằng chị T tự ý bỏ nhà đi không rõ lý do, vì giữa hai vợ chồng có hay cãi nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng, từ tháng 10 năm 2016 đến nay hai vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau và không có thăm hỏi, quan tâm đến nhau, nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không nhất trí ly hôn, yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, cuộc hôn nhân giữa chị Liễu Thị T và anh Vi Văn T là hợp pháp, nhưng trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có tình cảm, thường xuyên cãi chửi nhau, nên chị Liễu Thị T đã bỏ nhà đi, anh T cũng không đi tìm và cũng không liên lạc gì, đã sống ly thân trong thời gian dài, từ tháng 10 năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, bởi vậy, xác định cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu của chị Liễu Thị T đưa ra là phù hợp, có cơ sở. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Liễu Thị T.

[3] Xét yêu cầu của anh Vi Văn T, không nhất trí ly hôn với chị Liễu Thị T và yêu cầu được đoàn tụ, nhưng không cung cấp được những căn cứ chứng minh, cũng như những biện pháp gì để đoàn tụ, thực tế anh và chị đã sống ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở. Mặt khác, anh T và chị T kết hôn với nhau từ năm 2011 và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và cũng không có liên lạc hay liên hệ gì với gia đình, nên yêu cầu được đoàn tụ của anh Vi Văn T không được chấp nhận.

[4] Con chung; tài sản chung; vay, nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chị Liễu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Chị Liễu Thị T và anh Vi Văn T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Liễu Thị T được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về án phí: Chị Liễu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Liễu Thị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03738, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đức Chiến